TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2020
Về tranh chấp: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Lững;
Ông Đỗ Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2020 về ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ T** – sinh năm 198x
Địa chỉ: xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà T có mặt
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N** – sinh năm 197x
Địa chỉ: xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông N vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, ông N không lo làm ăn. Mỗi khi cãi nhau ông N dùng những lời lẽ xúc phạm bà và gia đình bà. Bà nhiều lần khuyên nhủ ông N, cho ông N cơ hội sửa đổi nhưng không thành. Bà và ông N đã

không còn chung sống hơn 07 năm. Đến nay bà và ông N không còn tình cảm nên bà T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T – sinh ngày 11/4/2004 và Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 29/6/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đang sinh sống tại địa phương, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông N là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do ông N không lo làm ăn, cuộc sống gia đình đều do bà gánh vác. Bà đã cho ông N nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông N vẫn không thay đổi. Hơn 07 năm nay bà và ông N không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Bản thân ông N sinh sống tại địa phương, đã được Toà án triệu tập đến Toà nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông N không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T xác định vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T – sinh ngày 11/4/2004 và Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 29/6/2007. Các con hiện nay do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp nên cần giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T – sinh ngày 11/4/2004 và Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 29/6/2007 cho bà Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn N.

Ông Nam có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, bà T, ông N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số AA/2018/00073xx ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên khánh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- UBND xã Diên Đồng, Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn), giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 11/10/200x);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận